HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THUỶ SẢN VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 100/CV-VASEP *V/v kiến nghị tháo gỡ vướng mắc trong kiểm tra, chứng nhận XK cồi điệp Việt Nam vào EU*	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2026*

Kính gửi: Ông Ngô Hồng Phong - Cục trưởng
Cục Chất lượng, Chế biến & Phát triển Thị trường (NAFIQPM)

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (**VASEP**) trân trọng cảm ơn đ/c Cục trưởng và Quý Cục đã luôn đồng hành, hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp thủy sản trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP), đáp ứng yêu cầu của các thị trường nhập khẩu, đặc biệt là thị trường Liên minh Châu Âu (EU), góp phần quan trọng để xuất khẩu và gia tăng xuất khẩu thủy sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Hiệp hội và các DN thành viên luôn ủng hộ, cam kết tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật Việt Nam cũng như các yêu cầu khắt khe của thị trường nhập khẩu (đặc biệt là Liên minh Châu Âu - EU) về đảm bảo ATTP và truy xuất nguồn gốc minh bạch, nhằm bảo vệ vững chắc uy tín và thương hiệu của thủy sản Việt Nam. Đồng thời, chúng tôi cũng đánh giá cao công tác tham mưu, cảnh báo sớm và thực hiện quản lý nhà nước của Quý Cục trong thời gian qua: từng bước chuyển đổi phương thức quản lý theo nguyên tắc quản lý rủi ro, hài hòa hóa tiêu chuẩn với thông lệ quốc tế, qua đó vừa kiểm soát chặt chẽ chất lượng, vừa tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp phục hồi và mở rộng thị trường.

Trong quá trình rà soát các quy định hiện hành của EU và thực tiễn sản xuất, XK sản phẩm **cồi điệp** (thuộc họ Pectinidae) vào thị trường EU, chúng tôi nhận thấy đang có một số điểm chưa đồng bộ giữa quy định hiện hành của EU và việc áp dụng thủ tục kiểm tra, chứng nhận XK tại Việt Nam đối với sản phẩm cồi điệp được thu hoạch ngoài vùng thuộc Chương trình Giám sát Vệ sinh, An toàn Thực phẩm trong Thu hoạch Nhuyễn thể hai mảnh vỏ (sau đây gọi tắt là "Chương trình Giám sát"). Đây cũng là một sản vật thế mạnh của một số vùng khai thác của Việt Nam, đã được Hiệp hội cùng Cty TNHH Hải Nam báo cáo, đề xuất và được Quý Cục hỗ trợ thực hiện các khảo sát, khảo nghiệm & đánh giá giai đoạn 2018-2021.

Qua rà soát và trong bối cảnh khó khăn hiện nay, toàn ngành đang nỗ lực cho tăng trưởng & tìm kiếm các cơ hội, chúng tôi nhận thấy đây là một cơ hội tốt và xin báo cáo, đề xuất với đ/c Cục trưởng chỉ đạo cho xem xét, tháo gỡ, hướng dẫn để Cty Hải Nam nói riêng và các DN thủy sản nói chung sẽ có thêm cơ hội để XK được sản phẩm này qua EU.

Xin được trình bày chi tiết như sau:

I. NỘI DUNG RÀ SOÁT

Theo quy định hiện hành của Việt Nam, các sản phẩm **cồi điệp** xuất khẩu vào EU đang áp dụng yêu cầu phải có nguồn gốc từ các vùng thu hoạch thuộc Chương trình giám sát nhuyễn thể hai mảnh vỏ (theo Thông tư số **33/2015/TT-BNNPTNT)**.

Trong khi đó, các quy định của EU (Quy định 853/2004, Quy định 2021/405, Quy định 2022/2292, Quy định 2022/2258, Quy định 2023/514) đã có những quy định đặc thù **cho phép cồi điệp** (***adductor muscle of Pectinidae***) được khai thác ngoài vùng thu hoạch được phân loại

của Chương trình Giám sát (classified product area) vẫn được phép nhập khẩu vào EU, miễn là đáp ứng các tiêu chuẩn vi sinh tương ứng. Thực tế này cũng đã được DG SANTE xác nhận bằng văn bản chính thức gửi Cục NAFIQAD ngày 23/01/2015.

Tuy nhiên, đến nay cơ quan quản lý Việt Nam chưa ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể cho phép áp dụng cơ chế tương tự đối với cồi điệp khai thác ngoài vùng giám sát của Việt Nam để xuất khẩu vào EU. Điều này dẫn đến tình trạng chưa bình đẳng giữa sản phẩm cồi điệp chế biến từ nguyên liệu NK và nguyên liệu trong nước, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và làm mất cơ hội xuất khẩu cồi điệp của các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để tháo gỡ và có thêm cơ hội XK cồi điệp cho doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ yêu cầu về ATTP và phù hợp với quy định hiện hành của EU cũng như nguyên tắc công nhận tính tương đương (equivalence) trong kiểm soát ATTP đối với hàng hóa NK, trân trọng đề nghị đ/c Cục trưởng cho xem xét ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng cơ chế kiểm tra, chứng nhận ATTP đối với sản phẩm cồi điệp xuất khẩu vào EU theo các quy định của EU, cụ thể:

1. Cho phép các lô hàng **cồi điệp** (***adductor muscle of Pectinidae***) đã tách vỏ, loại bỏ hoàn toàn nội tạng và tuyến sinh dục được khai thác ngoài vùng thu hoạch được phân loại theo Chương trình Giám sát vẫn được chứng nhận xuất khẩu vào EU, với điều kiện đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn vi sinh theo quy định của EU.
2. Ban hành hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, thủ tục kiểm tra, chứng nhận đối với các lô hàng cồi điệp nêu trên, trong đó quy định rõ các yêu cầu về tự kiểm soát của doanh nghiệp, chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền tại nước xuất khẩu (đối với nguyên liệu nhập khẩu) hoặc của cơ quan quản lý địa phương (đối với nguyên liệu khai thác trong nước).
3. Thống nhất áp dụng mẫu chứng thư xuất khẩu (Health Certificate) phù hợp với phân loại sản phẩm là "***Fishery Products***" thay vì "Live Bivalve Molluscs" đối với sản phẩm **cồi điệp** đã tách vỏ, loại bỏ nội tạng, phù hợp với thông lệ quốc tế và hướng dẫn của các cơ quan thẩm quyền một số nước NK (như Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA), Cơ quan thẩm quyền UK).

III. LÝ DO VÀ CƠ SỞ CỦA ĐỀ XUẤT

1. Về khung pháp lý quốc tế:

a. *QUY CHẾ CỦA EU MIỄN TRỪ ĐỐI VỚI SÒ ĐIỆP NẰM NGOÀI VÙNG THU HOẠCH ĐƯỢC PHÂN LOẠI CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT*

- **Quy định (EC) số 853/2004, Phụ lục III, Phần VII, Chương IX** đã thiết lập các yêu cầu ngoại lệ đối với điệp thuộc họ *Pectinidae*, được khai thác ngoài vùng thu hoạch được phân loại của Chương trình Giám sát (classified product area). Theo đó, các loài thuộc họ Pectinidae (họ Điệp), động vật chân bụng biển và động vật da gai không phải là loài ăn lọc được khai thác ngoài vùng được phân loại vẫn được phép đưa ra thị trường với điều kiện chúng phải thu hoạch, xử lý đúng tiêu chuẩn vệ sinh, đáp ứng tiêu chuẩn sức khỏe và đi qua cảng đấu giá, trung tâm điều phối hoặc cơ sở chế biến được phê duyệt. Việc phân loại ngư trường cho sò điệp chỉ mang tính khuyến khích, không bắt buộc.

- **Quy định (EU) 2022/2292, Điều 16** tiếp tục khẳng định: "*Các sản phẩm sau đây có thể được nhập khẩu vào Liên minh, ngay cả khi được khai thác tại các khu vực chưa được cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia thứ ba sản xuất phân loại... (a)* ***Họ Điệp (Pectinidae)***". Điều này minh chứng rõ ràng EU không yêu cầu **cồi điệp** phải từ vùng thu hoạch được phân loại.
- **Quy định (EU) 2021/405, Điều 12 và Phụ lục VIII** quy định danh mục các quốc gia thứ ba được phép nhập khẩu động vật thân mềm hai mảnh vỏ sống, ướp lạnh, đông lạnh hoặc đã qua chế biến vào EU. Tuy nhiên, **Điều 12** có ngoại lệ quan trọng: "*việc nhập khẩu vào Liên minh cơ khép của các loài thuộc họ* ***Pectinidae (điệp)*** *không phải là động vật nuôi trồng, đã được tách hoàn toàn khỏi nội tạng và tuyến sinh dục, dùng làm thực phẩm cho con người, cũng được cho phép từ các quốc gia thứ ba không có tên trong danh mục nêu trên*". Như vậy, cồi điệp đông lạnh được phép nhập khẩu vào EU ngay cả khi quốc gia thứ ba không có tên trong danh sách của Phụ lục VIII.
- **Quy định (EU) 2023/514** sửa đổi Phụ lục I của Quy định (EU) 2021/405 có quy định: *do mặt hàng cồi điệp không yêu cầu phải nằm trong danh sách Phụ lục* ***VIII****, sản phẩm này không cần đáp ứng yêu cầu về kế hoạch kiểm soát được phê duyệt*.
- **Quy định (EU) 2022/2258** Theo quy định này, việc phân loại các vùng thu hoạch và vùng chuyển tiếp sẽ không bắt buộc đối với việc khai thác **điệp thuộc họ** ***Pectinidae***, động vật chân bụng biển và động vật da gai không phải là loài ăn lọc, khi các cơ quan có thẩm quyền thực hiện các kiểm soát chính thức đối với các loại động vật này tại các chợ cá, trung tâm điều phối và các cơ sở chế biến. Các kiểm soát chính thức như vậy phải xác minh sự tuân thủ đối với:

  i. Các tiêu chuẩn sức khỏe đối với động vật thân mềm hai mảnh vỏ sống được quy định tại Chương V, Phần VII, Phụ lục III của Quy định (EC) số 853/2004;

  ii. Các yêu cầu cụ thể đối họ Pectinidae, động vật chân bụng biển và động vật da gai không phải là loài ăn lọc, được khai thác bên ngoài các khu vực đã được phân loại, được quy định tại Chương IX của Phần đó.

(Chi tiết phân tích và các trích dẫn liên quan tại các văn bản trên xin xem tại ***phần I của Phụ lục kèm theo****)*

- **Công văn số Ares (2015) 279820 ngày 23/01/2015 của DG SANTE** đã chính thức xác nhận với Cục NAFIQAD như sau:

  "For pectinidae harvested outside classified production areas, as it is the case in the Faroe Islands, requirements defined in Annex III - Section VII- Chapter IX of Regulation (EC) No 853/2004 are to be applied. ***These pectinidae could be exported to the EU without appliance of heat treatment requirements provided in Annex III - Section VII - Chapter II-A.5 if they meet the corresponding microbiological criteria****."*

Tạm dịch:

"Đối với các loài điệp thu hoạch ngoài khu vực sản xuất được phân loại, như trường hợp ở Quần đảo Faroe, các yêu cầu được quy định trong Phụ lục II - Mục VII - Chương IX của Quy định (EC) số 853/2004 sẽ được áp dụng. ***Các loài điệp này có thể được xuất khẩu sang EU mà không cần áp dụng các yêu cầu xử lý nhiệt được quy định***

trong Phụ lục III - Mục VII - Chương II-A.5 nếu chúng đáp ứng các tiêu chí vi sinh tương ứng.”

b. *QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ PHÂN LOẠI SẢN PHẨM CỦA CÁC NƯỚC CHO CỒI ĐIỆP XUẤT KHẨU ĐI EU*

❖ **Hướng dẫn của Canada về xuất khẩu thủy sản vào EU:** Cơ quan thẩm quyền Canada cũng phân loại rõ ràng phần **cơ thịt cồi điệp** (adductor muscle of Pectinidae) nằm trong nhóm **Fishery products** (FFP). Sản phẩm này không thuộc nhóm Live bivalve molluscs (LBM) nên không bị áp yêu cầu bắt buộc là sản phẩm phải xuất xứ từ vùng thu hoạch có trong danh sách phê duyệt.

“- LBM – Live bivalve molluscs

- For exporting live/chilled bivalve molluscs, echinoderms, tunicates or marine gastropods **(excluding the adductor muscle of Pectinidae)**
- Live products must come from a harvest area that also appears on this list. Harvest area(s) must be indicated on the EU health certificate exactly as they appear on the list

- **FFP – Fishery products**

  For exporting all other frozen or processed fish and seafood products, **including the adductor muscle of Pectinidae (scallops)”**

Tạm dịch:

“- LBM – Động vật thân mềm hai mảnh vỏ sống

- *Áp dụng đối với việc xuất khẩu **động vật thân mềm hai mảnh vỏ sống/làm lạnh**, **động vật da gai**, **hải tiêu (tunicates)** hoặc **động vật chân bụng biển** (ngoại trừ **cơ khép vỏ** của các loài thuộc họ **Pectinidae** – sò điệp).*
- *Sản phẩm sống phải được thu hoạch từ **vùng thu hoạch** đã được liệt kê trong danh sách được EU phê duyệt. Tên vùng thu hoạch phải được ghi trên **Chứng thư vệ sinh (EU Health Certificate)** đúng với tên thể hiện trong danh sách*

- FFP – Sản phẩm thủy sản

*Áp dụng đối với việc xuất khẩu tất cả các **sản phẩm thủy sản đánh bắt** khác ở dạng **đông lạnh** hoặc **đã qua chế biến**, bao gồm cả cơ khép vỏ của họ Pectinidae (sò điệp)”*

Chi tiết xem tại link: **https://inspection.canada.ca/en/exporting-food-plants-animals/food-exports/requirements-library/european-union-fish-and-seafood**

Quy định trên cho thấy có sự không giống nhau trong áp dụng quy định khi cùng là sản phẩm cồi điệp nhập khẩu vào EU nhưng **Canada** áp dụng theo dạng **FFP** trong khi **Việt Nam** lại áp dụng theo dạng **LBM**.

❖ **Hướng dẫn kiểm dịch của Vương quốc Anh (UK):** Cơ chế của UK phân định rõ **cồi điệp** (đã tách vỏ và nội tạng) thuộc nhóm "**Sản phẩm thủy sản**" (Fishery Products) thay vì "**Nhuyễn thể hai mảnh vỏ sống**" (LBM). Do đó, sản phẩm này được miễn trừ điều kiện nguồn gốc từ vùng thu hoạch được phân loại, và chứng thư cấp cho cồi điệp

đông lạnh đi Anh là mẫu **GBHC401** (***dành cho Fishery Products***) thay vì **GBHC400** (dành cho LBM).

Sự không giống nhau & chưa nhất quán phát sinh khi đối với sản phẩm cồi điệp đông lạnh xuất khẩu sang EU thì Việt Nam đang sử dụng mẫu **MOL-HC**. Việc Quý Cục áp dụng mẫu **MOL-HC** đòi hỏi cơ quan phải xác nhận những nội dung mà luật pháp EU đã chính thức miễn trừ cho cồi điệp.

*(Chi tiết phân tích và các trích dẫn liên quan tại các văn bản trên xin xem tại **phần II của Phụ lục** kèm theo)*

c. *SỰ CHƯA HỢP LÝ TRONG VIỆC ÁP DỤNG MẪU CHỨNG THƯ **MOL-HC** ĐỐI VỚI CỒI ĐIỆP*

Mẫu chứng thư **MOL-HC** (Chương 31 của Quy định (EU) **2025/636**) được thiết kế chuyên biệt cho nhuyễn thể hai mảnh vỏ sống và các sản phẩm chế biến còn nguyên nội tạng. Khi áp dụng mẫu này cho cồi điệp đông lạnh, các điều khoản trên Chứng thư vệ sinh tạo ra các mâu thuẫn pháp lý:

Điều khoản trong MOL-HC	Yêu cầu chứng nhận của chứng thư	Phân tích tính bất hợp lý đối với cồi điệp đông lạnh
Mục II.1 (a)	Sản phẩm phải có nguồn gốc từ quốc gia được liệt kê trong Phụ lục VIII của Quy định (EU) 2021/405	Không phù hợp, vì Điều 12 của Quy định 2021/405 đã loại trừ cồi điệp ra khỏi phạm vi bắt buộc của Phụ lục VIII
Mục II.1 (k)	Sản phẩm phải đáp ứng các bảo đảm về nuôi trồng thủy sản theo kế hoạch kiểm soát được phê duyệt và quốc gia phải đánh dấu "M" trong Phụ lục I.	Không áp dụng, vì cồi điệp tự nhiên không cần đáp ứng kế hoạch kiểm soát theo Quy định (EU) 2021/405 và 2023/514

*(Chi tiết phân tích và các trích dẫn liên quan tại các văn bản trên xin xem tại **phần III** của **Phụ lục** kèm theo)*

d. *THEO NGUYÊN TẮC CÔNG NHẬN TƯƠNG ĐƯƠNG CỦA SPS*

Các hệ thống pháp luật về kiểm soát an toàn thực phẩm của EU cũng như các nước tiên tiến như Canada, Anh, Úc, … cũng được xây dựng trên nguyên tắc **công nhận tính tương đương (equivalence)** của hệ thống kiểm soát của nước xuất khẩu, theo đó cơ quan có thẩm quyền của nước thứ ba có thể áp dụng các biện pháp quản lý khác với các quốc gia này nhưng phải bảo đảm đạt được **mức độ bảo ATTP tương đương** với yêu cầu của các quốc gia đó. Đây cũng là nguyên tắc phù hợp với Hiệp định về các Biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động, thực vật (SPS Agreement) của WTO và được phản ánh trong các quy định về kiểm soát chính thức của các quốc gia này đối với thực phẩm nhập khẩu.

Trên tinh thần đó, Hiệp hội cho rằng việc rà soát, cập nhật hướng dẫn quản lý đối với sản phẩm cồi điệp xuất khẩu sang EU không nhằm thay đổi mục tiêu quản lý hay nới lỏng yêu

cầu về ATTP, mà hướng tới việc điều chỉnh phương thức quản lý phù hợp với các quy định hiện hành của EU, bảo đảm tính tương đương về mức độ kiểm soát an toàn thực phẩm, đồng thời tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu và khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu trong nước.

2. Quy định của Việt Nam

- **Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/10/2015** quy định về giám sát vệ sinh, an toàn thực phẩm trong thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ. Tại **Điều 22 và Điều 23**, Thông tư đã có quy định về kiểm soát đối với ***điệp, chân bụng biển ngoài vùng được phân loại***, theo đó đã cho phép các cơ sở thu hoạch, chế biến điệp từ vùng chưa được phân loại được đưa ra thị trường sau khi xử lý tại cơ sở đáp ứng điều kiện ATTP, và được Cơ quan kiểm tra lấy mẫu thẩm tra. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để áp dụng cơ chế tương tự cho cồi điệp xuất khẩu vào EU.
- **Công văn số 629/CCPT-ATTP ngày 17/8/2023** của NAFIQPM đã cho phép cồi điệp nhập khẩu từ nước ngoài để chế biến xuất khẩu vào EU không bắt buộc phải từ vùng được phân loại của nước đó.

  *"- in the case of **Pectinidae**, marine gastropods and Holothuroidea that are not filter feeders harvested outside classified production areas, these comply with the specific requirements laid down in Section VII, Chapter IX, of Annex III to Regulation (EC) No 853/2004;"*

Tam dich:

*"- Đối với các loài thuộc họ **sò điệp (Pectinidae)**, động vật chân bụng biển và hải sâm (Holothuroidea) không phải loài ăn lọc được thu hoạch ngoài các khu vực sản xuất đã được phân loại, các sản phẩm này đáp ứng các yêu cầu cụ thể được quy định tại Mục VII, Chương IX, Phụ lục III của Quy định (EC) số 853/2004"*

Điều này cho thấy Quý Cục cũng đã ghi nhận và áp dụng nguyên tắc ngoại lệ, không yêu cầu phải thu hoạch từ vùng thu hoạch nằm trong Chương trình Giám sát đối với cồi điệp theo quy định của EU đối với nguyên liệu nhập khẩu.

- **Quyết định số 5136/QĐ-BNN-QLCL ngày 01/12/2014** và các văn bản hướng dẫn liên quan (Công văn số **2500/QLCL-CL1** ngày 20/11/2014, Công văn số **430/QLCL-CL1** ngày 11/2/2015) đã từng áp dụng cơ chế đặc thù cho cồi điệp nhập khẩu từ Faroe Islands để chế biến xuất khẩu vào EU, theo đó cho phép các nguyên liệu này có nguồn gốc từ vùng thu hoạch nằm ngoài Chương trình Giám sát của Faroe Islands, thể hiện quy định phù hợp này đã có trong thực tiễn quản lý của Việt Nam.
- **Mẫu chứng thư của Việt Nam cấp cho cồi điệp (NLNK) xuất khẩu đi EU (MODEL MOL-HC):** Các nội dung chi tiết trong chứng thư xác nhận sự phù hợp của cồi điệp với các miễn trừ pháp lý:
  - **Mục II.1(a) và II.1(k):** Xác nhận cồi điệp đông lạnh không bị yêu cầu phải nằm trong Phụ lục (Annex) VIII, dẫn tới việc không bị bắt buộc phải có kế hoạch giám sát được phê duyệt.
  - **Mục II.1(h) và II.1(i):** Cho phép các lựa chọn xác nhận sản phẩm cồi điệp được thu hoạch từ bên ngoài các khu vực sản xuất đã được phân loại

*(Chi tiết phân tích và trích dẫn liên quan xin xem tại **phần III của Phụ lục** kèm theo)*

3. Thực tiễn áp dụng

- Các doanh nghiệp Việt Nam hiện đang gặp khó khăn trong việc tiếp cận các vùng thu hoạch điệp đã được phân loại theo Chương trình Giám sát, trong khi nguồn nguyên liệu điệp tự nhiên ngoài vùng giám sát có sản lượng lớn nhưng không thể xuất khẩu vào EU.
- Việc chưa có hướng dẫn cụ thể hiện nay khiến doanh nghiệp trong nước gặp bất lợi ngay tại nguồn nguyên liệu Việt Nam, trong khi nguyên liệu tương tự nhập khẩu từ Quần đảo Faroe đã từng được xem xét theo cơ chế phù hợp. Điều này có thể tạo ra sự thiếu tương đồng trong thực tiễn áp dụng, ảnh hưởng đến khả năng tận dụng nguồn lợi trong nước, làm giảm cơ hội xuất khẩu, nguy cơ mất khách hàng tại EU và giảm năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp thủy sản Việt Nam. Điều này gây lãng phí nguồn lực, làm giảm năng lực cạnh tranh và bỏ lỡ cơ hội xuất khẩu trị giá hàng triệu USD mỗi năm.

Hiệp hội và các DN hải sản nhận thức đầy đủ rằng việc bảo đảm ATTP, duy trì hệ thống kiểm soát hiệu quả và bảo vệ uy tín của thủy sản Việt Nam tại thị trường EU là yêu cầu ưu tiên hàng đầu. Kiến nghị này không nhằm nới lỏng yêu cầu quản lý, mà hướng tới việc rà soát, cập nhật phương thức kiểm tra, chứng nhận phù hợp hơn với quy định hiện hành của EU, đúng bản chất sản phẩm, đồng thời vẫn bảo đảm đầy đủ yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, kiểm soát vi sinh, trách nhiệm của doanh nghiệp và sự thẩm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

Trên tinh thần cầu thị, xây dựng và đồng hành cùng Quý Cục, Hiệp hội trân trọng đề nghị Quý Cục quan tâm xem xét và sớm có hướng dẫn phù hợp nhằm khơi thông cơ hội, tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm cồi điệp và tăng cường năng lực cạnh tranh của thủy sản Việt Nam tại thị trường EU.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THƯ KÝ

Nguyễn Hoài Nam

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Thường vụ HH;
- BCH, BKT HH;
- Ban ngành hàng Hải sản VASEP;
- Cty TNHH Hải Nam;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP VASEP.

PHỤ LỤC

BÁO CÁO RÀ SOÁT QUY ĐỊNH PHÁP LÝ VÀ CHUỖI CUNG ỨNG: XUẤT KHẨU CỒI ĐIỆP SANG THỊ TRƯỜNG LIÊN MINH CHÂU ÂU

(kèm theo Công văn số 100/CV-VASEP ngày 06/7/2026)

I. KHUNG PHÁP LÝ QUỐC TẾ VÀ QUY CHẾ MIỄN TRỪ PHÂN LOẠI VÙNG THU HOẠCH

1. Quy định (EU) 2021/405

"Article 12: List of third countries or regions thereof authorised for the entry into the Union of consignments of live, chilled, frozen or processed bivalve molluscs, echinoderms, tunicates and marine gastropods

Consignments of live, chilled, frozen or processed bivalve molluscs, echinoderms, tunicates and marine gastropods, and intended for human consumption, shall only be authorised for the entry into the Union if they come from the third countries or regions thereof that are listed in Annex VIII. Nevertheless, entry into the Union of adductor muscles of pectinidae other than aquaculture animals, completely separated from the viscera and gonads and intended for human consumption, shall also be permitted from third countries not appearing on that list"

Tạm dịch:

"Điều 12: Danh mục các quốc gia thứ ba hoặc các vùng lãnh thổ của các quốc gia đó được phép nhập khẩu vào Liên minh các lô hàng động vật thân mềm hai mảnh vỏ, động vật da gai, động vật có bao và động vật chân bụng biển sống, ướp lạnh, đông lạnh hoặc đã qua chế biến

Các lô hàng động vật thân mềm hai mảnh vỏ, động vật da gai, động vật có bao và động vật chân bụng biển sống, ướp lạnh, đông lạnh hoặc đã qua chế biến, dùng làm thực phẩm cho con người, chỉ được phép nhập khẩu vào Liên minh nếu chúng có nguồn gốc từ các quốc gia thứ ba hoặc các vùng lãnh thổ của các quốc gia đó được liệt kê trong Phụ lục VIII. Tuy nhiên, việc nhập khẩu vào Liên minh cơ khép của các loài thuộc họ Pectinidae (điệp) không phải là động vật nuôi trồng, đã được tách hoàn toàn khỏi nội tạng và tuyến sinh dục, dùng làm thực phẩm cho con người, cũng được cho phép từ các quốc gia thứ ba không có tên trong danh mục nêu trên.

➔ *Theo quy định, xuất khẩu Cồi điệp vào EU không cần nằm trong danh sách phụ lục VIII: Danh mục các quốc gia thứ ba hoặc các vùng lãnh thổ của các quốc gia đó được phép nhập khẩu vào Liên minh các lô hàng động vật thân mềm hai mảnh vỏ, động vật da gai, động vật có bao và động vật chân bụng biển sống, ướp lạnh, đông lạnh hoặc đã qua chế biến, như quy định tại Điều 12 / ANNEX VIII: List of third countries or regions thereof authorised for the entry into the Union of consignments of live, chilled, frozen or processed bivalve molluscs, echinoderms, tunicates and marine gastropods, as referred to in Article 12"*

2. Quy định (EU) 2023/514

***"ANNEX I:** Annex -I to Implementing Regulation (EU) 2021/405 is replaced by the following:*

*‘**ANNEX -I** List of third countries or regions thereof with approved control plans for certain food-producing animals and products of animal origin intended for human consumption, as referred to in Article 2a, Article 3, Article 6, first paragraph, Article 7, first paragraph, Article 10, second paragraph, Articles 11, 15, 16, 21 and Article 25, points (a) and (c)”*

Tạm dịch:

“PHỤ LỤC I: *Phụ lục -I của Quy định thực thi (EU) 2021/405 được thay thế bằng nội dung sau:*

*‘**PHỤ LỤC -I** Danh mục các quốc gia thứ ba hoặc các vùng lãnh thổ của các quốc gia đó có kế hoạch kiểm soát đã được phê duyệt đối với một số loài động vật sản xuất thực phẩm và sản phẩm có nguồn gốc động vật dùng làm thực phẩm cho con người, như quy định tại Điều 2a, Điều 3, Điều 6 đoạn một, Điều 7 đoạn một, Điều 10 đoạn hai, các Điều 11, 15, 16, 21 và Điều 25 điểm (a) và (c)”*

Country ISO Code	Third country (1) or regions thereof	Bovine	Ovine/capr-ine	Porcine	Equine	Poultry	Aquacul-ture (17)	Milk	Eggs	Rabbit	Wild game	Farmed game	Honey	Casings
SY	Syria													
SZ	Eswatini	X					P							
TG	Togo												X	
TH	Thailand	O		O		X	X M	Δ	Δ				X	
TN	Tunisia						X (14) M	O	O					X
TR	Türkiye					X	X (14) M	X	X				X	X
TW	Taiwan						X P	O	X				X	
TZ	Tanzania						X (15) P	O	O				X	
UA	Ukraine	X		X		X	X (14) M	X	X	X			X	X
UG	Uganda												X	
US	United States	X	X (11)	X		X	X M	X	X	X	X	X	X	X
UY	Uruguay	X	X		X		X (14) M	X	O		X		X	X
UZ	Uzbekistan													X
VE	Venezuela						X (15) P	O	O					
VN	Vietnam						X M	O	O				X	
WF	Wallis and Futuna												X	
XK	Kosovo (12)					Δ								
ZA	South Africa						P				X	X (13)		

“(17) Aquaculture covers finfish, including eels, and products of finfish (such as roes and caviar), and crustaceans. The third countries or regions thereof listed for live, chilled, frozen or processed bivalve molluscs, echinoderms, tunicates and marine gastropods in Annex VIII are marked with an “M” in this column.”

Tạm dịch:

“(17) Nuôi trồng thủy sản bao gồm cá vây (kể cả lươn) và các sản phẩm từ cá vây (như trứng cá và trứng cá muối), và động vật giáp xác. Các quốc gia thứ ba hoặc vùng lãnh thổ của các quốc gia đó được liệt kê trong Phụ lục VIII đối với các loại động vật thân mềm hai mảnh vỏ, động vật da gai, động vật có bao và động vật chân bụng biển sống, ướp lạnh, đông lạnh hoặc đã qua chế biến được đánh dấu bằng chữ “M” trong cột này.”

→ Theo quy định xuất khẩu Cồi điệp vào EU không cần nằm trong danh sách phụ lục VIII thì không cần đáp ứng kế hoạch kiểm soát được phê duyệt.

3. <u>Quy định (EC) No 853/2004:</u>

Theo quy tắc chung được thiết lập tại Quy định (EC) **No 853/2004,** Annex III, Section VII, Chương II, các loài động vật thân mềm hai mảnh vỏ chỉ được phép khai thác thương mại từ các vùng thu hoạch được cơ quan có thẩm quyền phân loại là Class A, Class B, hoặc C lass. Tuy nhiên, **Chương IX của Section VII** đã thiết lập một quy chế đặc thù cho sò điệp (Pectinidae) được khai thác bên ngoài các vùng thu hoạch được phân loại.

"*CHAPTER IX: SPECIFIC REQUIREMENTS FOR PECTINIDAE, MARINE GASTROPODS AND ECHINODERMS WHICH ARE NOT FILTER FEEDERS HARVESTED OUTSIDE CLASSIFIED PRODUCTION AREAS*

Food business operators harvesting pectinidae, marine gastropods and echinoderms which are not filter feeders, outside classified production areas or handling such pectinidae, and/or such marine gastropods and/or echinoderms must comply with the following requirements:

1. Pectinidae, marine gastropods and echinoderms which are not filter feeders, must not be placed on the market unless they are harvested and handled in accordance with Part B of Chapter II and meet the standards laid down in Chapter V, as demonstrated by a system of own checks by the food business operators operating a fish auction, a dispatch centre or a processing establishment;

2. In addition to point 1, where data from official monitoring programmes enable the competent authority to classify fishing grounds – where appropriate, in cooperation with food business operators – the provisions of Part A of Chapter II apply by analogy to pectinidae;

3. Pectinidae, marine gastropods and echinoderms which are not filter feeders, must not be placed on the market for human consumption otherwise than via a fish auction, a dispatch centre or a processing establishment. When they handle pectinidae and/or such marine gastropods, and/or echinoderms food business operators operating such establishments must inform the competent authority and, as regards dispatch centres, comply with the relevant requirements of Chapters III and IV;

4. Food business operators handling pectinidae, marine gastropods and echinoderms which are not filter feeders, must comply with the following requirements:

(a) with the documentary requirements of Chapter I, points 3 to 7, where applicable. In this case, the registration document must clearly indicate the location of the area, indicating the system used to describe the coordinates, where the live pectinidae and/or live marine gastropods and/or live echinoderms were harvested; or

(b) with the requirements of Chapter VI, point 2, concerning the closing of all packages of live pectinidae, live marine gastropods and live echinoderms dispatched for retail sale and Chapter VII concerning identification marking and labelling."

<u>Tạm dịch:</u>

"CHƯƠNG IX: CÁC YÊU CẦU CỤ THỂ ĐỐI VỚI HỌ ĐIỆP (PECTINIDAE), ĐỘNG VẬT CHÂN BỤNG BIỂN VÀ ĐỘNG VẬT DA GAI KHÔNG PHẢI LÀ LOÀI ĂN LỌC ĐƯỢC KHAI THÁC NGOÀI CÁC KHU VỰC SẢN XUẤT ĐÃ ĐƯỢC PHÂN LOẠI

*Các nhà kinh doanh thực phẩm khai thác **họ Điệp**, động vật chân bụng biển và động vật da gai không phải là loài ăn lọc bên ngoài các khu vực sản xuất đã được phân loại, hoặc xử lý các loại họ Điệp và/hoặc các loại động vật chân bụng biển và/hoặc động vật da gai này, phải tuân thủ các yêu cầu sau:*

1. ***Điệp** thuộc họ Pectinidae, động vật chân bụng biển và động vật da gai không phải là loài ăn lọc không được đưa ra thị trường trừ khi chúng được khai thác và xử lý theo Phần B của Chương II và đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Chương V, được chứng minh bởi một hệ thống kiểm tra nội bộ của các nhà kinh doanh thực phẩm đang vận hành chợ cá, trung tâm điều phối hoặc cơ sở chế biến.*
2. *Ngoài quy định tại điểm 1, trong trường hợp dữ liệu từ các chương trình giám sát chính thức cho phép cơ quan có thẩm quyền phân loại các ngư trường – tùy từng trường hợp, có sự phối hợp với các nhà kinh doanh thực phẩm – thì các quy định tại Phần A của Chương II sẽ được áp dụng tương tự đối với điệp thuộc họ Pectinidae.*
3. *Điệp thuộc họ Pectinidae, động vật chân bụng biển và động vật da gai không phải là loài ăn lọc không được đưa ra thị trường để tiêu thụ làm thực phẩm cho con người nếu không thông qua chợ cá, trung tâm điều phối hoặc cơ sở chế biến. Khi xử lý điệp thuộc họ Pectinidae và/hoặc các loại động vật chân bụng biển và/hoặc động vật da gai này, các nhà kinh doanh thực phẩm vận hành các cơ sở nói trên phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền; đối với các trung tâm điều phối, phải tuân thủ các yêu cầu liên quan tại Chương III và Chương IV.*
4. *Các nhà kinh doanh thực phẩm xử lý điệp thuộc họ Pectinidae, động vật chân bụng biển và động vật da gai không phải là loài ăn lọc phải tuân thủ các yêu cầu sau:*

   (a) Tuân thủ các yêu cầu về tài liệu tại các điểm từ 3 đến 7 của Chương I, nếu có áp dụng. Trong trường hợp này, tài liệu đăng ký phải chỉ rõ vị trí khu vực nơi khai thác điệp thuộc họ Pectinidae, sống và/hoặc động vật chân bụng biển sống và/hoặc động vật da gai sống, đồng thời nêu rõ hệ thống được sử dụng để mô tả tọa độ.

   (b) Tuân thủ các yêu cầu tại điểm 2 của Chương VI, liên quan đến việc đóng gói tất cả các kiện hàng họ Điệp sống, động vật chân bụng biển sống và động vật da gai sống được gửi đi bán lẻ, cùng với các yêu cầu tại Chương VII liên quan đến dấu nhận diện và ghi nhãn.

*Dựa trên quy định tại điểm **1, 3, 4 Chương IX, sò điệp** (Pectinidae) khai thác từ <u>các vùng chưa được phân loại vẫn được phép đưa ra thị trường</u> tiêu thụ với điều kiện bắt buộc là chúng phải được thu hoạch, xử lý theo đúng các tiêu chuẩn vệ sinh tại Chương II, Phần B (vận chuyển và xử lý sau thu hoạch) và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sức khỏe quy định tại Chương V. Hơn nữa, việc thương mại của các sản phẩm này bắt buộc phải đi qua một cảng đấu giá thủy sản, một trung tâm điều phối (dispatch centre) hoặc một cơ sở chế biến được phê duyệt.*

Quy định tại điểm 2 Chương IX: "Ngoài quy định tại điểm 1, trong trường hợp dữ liệu từ các chương trình giám sát chính thức cho phép cơ quan có thẩm quyền phân loại các ngư trường – tùy từngtrường hợp, có sự phối hợp với các nhà kinh doanh thực phẩm – thì các quy định tại Phần A, Chương II sẽ được áp dụng tương tự đối với họ Điệp (Pectinidae)

Như vậy, sò điệp từ các vùng thu hoạch Tuy Phong, Phan Thiết, Lagi đã không còn nằm trong danh sách vùng thu hoạch được phê duyệt bởi EU."

4. <u>Quy định (EU) 2022/2292:</u>

"Article 16

Requirements for consignments of live bivalve molluscs, echinoderms, tunicates and marine gastropods

1. Notwithstanding Article 14 of this Regulation, consignments of live bivalve molluscs, echinoderms, tunicates and marine gastropods for which CN codes have been laid down under heading 0307 of Part Two of Annex I to Regulation (EEC) No 2658/87 shall enter the Union only from production areas in third countries that appear on lists drawn up by the competent authorities of the third country in accordance with Article 127(3), point (e), of Regulation (EU) 2017/625 and published by the Commission.

2. The following products may enter the Union, <u>even if harvested in areas which have not been classified by the competent authorities in the third country of production</u> in accordance with Article 18(6) of Regulation (EU) 2017/625:

(a) pectinidae, except where data from monitoring programmes established under Article 57 of Implementing Regulation (EU) 2019/627 enable the competent authorities to classify fishing grounds as provided for in Section VII, Chapter IX, point 2, of Annex III to Regulation (EC) No 853/2004;

(b) marine gastropods that are not filter feeders and echinoderms that are not filter feeders."

<u>Tạm dịch:</u>

"Điều 16

Các yêu cầu đối với các lô hàng động vật thân mềm hai mảnh vỏ, động vật da gai, động vật có bao và động vật chân bụng biển sống

1. *Mặc dù đã có quy định tại Điều 14 của Quy định này, các lô hàng động vật thân mềm hai mảnh vỏ, động vật da gai, động vật có bao và động vật chân bụng biển sống, thuộc mã CN được quy định tại nhóm 0307, Phần Hai, Phụ lục I của Quy định (EEC) số 2658/87, chỉ được phép nhập khẩu vào Liên minh từ các khu vực sản xuất tại các quốc gia thứ ba có tên trong danh sách do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thứ ba đó lập ra theo quy định tại Điều 127(3), điểm (e) của Quy định (EU) 2017/625 và được Ủy ban công bố.*
2. *Các sản phẩm sau đây có thể được nhập khẩu vào Liên minh, ngay cả khi được khai thác tại các <u>khu vực chưa được cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia thứ ba sản xuất phân loại</u> theo Điều 18(6) của Quy định (EU) 2017/625:*

   (a) Họ Điệp (Pectinidae), trừ trường hợp dữ liệu từ các chương trình giám sát được thiết lập theo Điều 57 của Quy định thực thi (EU) 2019/627 cho phép cơ quan có thẩm quyền phân loại các ngư trường theo quy định tại Phần VII, Chương IX, điểm 2, Phụ lục III của Quy định (EC) số 853/2004;

   (b) Động vật chân bụng biển không phải là loài ăn lọc và động vật da gai không phải là loài ăn lọc."

5. Quy định (EU) 2022/2258

"Article 2: Amendments to Delegated Regulation (EU) 2019/624

Delegated Regulation (EU) 2019/624 is amended as follows:

(1) In Article 1, point (a)(v) is replaced by the following:

'(v) derogations from Article 18(6) of Regulation (EU) 2017/625 regarding the classification of production and relaying areas in relation to Pectinidae, marine gastropods and echinoderms;'

(2) Article 11 is replaced by the following:

*'**Article 11: Official controls on Pectinidae, marine gastropods and echinoderms, which are not filter feeders, which are harvested from production areas which are not classified in accordance with Article 18(6) of Regulation (EU) 2017/625***

By way of derogation from Article 18(6) of Regulation (EU) 2017/625, the classification of production and relaying areas shall not be required in relation to the harvesting of Pectinidae, marine gastropods and echinoderms, which are not filter feeders, when the competent authorities carry out official controls on such animals in fish auctions, dispatch centres and processing establishments.

Such official controls shall verify compliance with:

(a) the health standards for live bivalve molluscs laid down in Chapter V of Section VII of Annex III to Regulation (EC) No 853/2004;

(b) the specific requirements for Pectinidae, marine gastropods and echinoderms which are not filter feeders, that are harvested outside the classified production areas, laid down in Chapter IX of that Section."

Tạm dịch:

"Điều 2: Các sửa đổi đối với Quy định (EU) 2019/624

Quy định được ủy quyền (EU) 2019/624 được sửa đổi như sau:

(1) Tại Điều 1, điểm (a)(v) được thay thế bằng nội dung sau:

'(v) các quy định miễn trừ đối với Điều 18(6) của Quy định (EU) 2017/625 liên quan đến việc phân loại các khu vực sản xuất và tái ngâm đối với họ Điệp (Pectinidae), động vật chân bụng biển và động vật da gai;'

(2) Điều 11 được thay thế bằng nội dung sau:

'Điều 11: Các kiểm soát chính thức đối với họ Điệp (Pectinidae), động vật chân bụng biển và động vật da gai không phải là loài ăn lọc, được khai thác từ các khu vực sản xuất không được phân loại theo Điều 18(6) của Quy định (EU) 2017/625

Theo sự miễn trừ tại Điều 18(6) của Quy định (EU) 2017/625, việc phân loại các vùng thu hoạch và vùng chuyển tiếp sẽ không bắt buộc đối với việc khai thác điệp thuộc họ Pectinidae, động vật chân bụng biển và động vật da gai không phải là loài ăn lọc, khi các cơ quan có thẩm quyền thực hiện các kiểm soát chính thức đối với các loại động vật này tại các chợ cá, trung tâm điều phối và các cơ sở chế biến.

Các kiểm soát chính thức như vậy phải xác minh sự tuân thủ đối với:

(a) các tiêu chuẩn sức khỏe đối với động vật thân mềm hai mảnh vỏ sống được quy định tại Chương V, Phần VII, Phụ lục III của Quy định (EC) số 853/2004;

(b) *các yêu cầu cụ thể đối với điệp thuộc họ Pectinidae, động vật chân bụng biển và động vật da gai không phải là loài ăn lọc, được khai thác bên ngoài các khu vực sản xuất đã được phân* loại, được quy định tại Chương IX của Phần đó."

II. QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ PHÂN LOẠI SẢN PHẨM CỦA CÁC NƯỚC CHO CỒI ĐIỆP XUẤT KHẨU ĐI EU

Cần phân biệt giữa "Động vật thân mềm hai mảnh vỏ sống" (LBM) và "Sản phẩm thủy sản" (Fishery Products - FP). Khi sò điệp được tách vỏ và loại bỏ hoàn toàn nội tạng (shucked and gutted adductor muscle) chỉ còn lại phần cồi điệp, sản phẩm này không còn bị áp các quy định kiểm soát của LBM. Theo hướng dẫn kiểm dịch của UK và các cơ quan thẩm quyền quốc tế, cồi điệp đã tách vỏ/nội tạng được xếp vào nhóm "Sản phẩm thủy sản" (Fishery Products).

1. Hướng dẫn của Canada về xuất khẩu thủy sản vào EU

Cơ quan thẩm quyền Canada cũng phân loại rõ ràng phần cơ thịt cồi điệp (adductor muscle of Pectinidae) nằm trong nhóm Fishery products (FFP). Sản phẩm này không thuộc nhóm Live bivalve molluscs (LBM) nên không bị áp yêu cầu bắt buộc là sản phẩm phải xuất xứ từ vùng thu hoạch có trong danh sách phê duyệt.

"- LBM – Live bivalve molluscs

- *For exporting live/chilled bivalve molluscs, echinoderms, tunicates or marine gastropods **(excluding the adductor muscle of Pectinidae)***
- *Live products must come from a harvest area that also appears on this list. Harvest area(s) must be indicated on the EU health certificate exactly as they appear on the list*

- ***FFP – Fishery products***

*For exporting all other frozen or processed fish and seafood products, **including the adductor muscle of Pectinidae (scallops)"***

Chi tiết xem tại link: **https://inspection.canada.ca/en/exporting-food-plants-animals/food-exports/requirements-library/european-union-fish-and-seafood**

Điều này cho thấy sự không nhất quán trong áp dụng quy định, cùng là sản phẩm cồi điệp nhập khẩu vào EU, nhưng Canada áp dụng FFP trong khi Việt Nam lại áp dụng LBM.

2. Chứng thư xuất khẩu (HC) Việt Nam sang Vương quốc Anh)

Theo quy định hiện tại, sản phẩm cồi điệp đông lạnh xuất khẩu đi UK doanh nghiệp phải đăng ký cấp chứng thư xuất khẩu tại Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường (NAFIQPM). Do sản phẩm xuất khẩu đã được tách vỏ hoàn toàn và chỉ còn phần cơ thịt (adductor muscle), quy định nhập khẩu của Vương quốc Anh phân loại sản phẩm này vào nhóm Fishery Products (Sản phẩm thủy sản) chứ không phải nhóm Live Bivalve Molluscs (Nhuyễn thể hai mảnh vỏ sống).

Mẫu chứng thư áp dụng: Cục NAFIQPM sẽ cấp mẫu chứng thư tương đương mẫu GBHC401 FP (Fishery Products) thay vì GBHC400 LBM (Live bivalve molluscs, echinoderms, tunicates and marine gastropods).

III. PHÂN TÍCH MẪU CHỨNG THƯ CHO XUẤT KHẨU CỒI ĐIỆP ĐI EU

Cồi điệp đông lạnh hiện nay xuất EU đang được NAFIQPM cấp chứng thư theo mẫu (MODEL **MOL-HC)**.

"Mục II.1 (a): *products of animal origin derived from live bivalve molluscs/live echinoderms/live tunicates/live marine gastropods] (4), and* ***is/are listed in Annex VIII to Commission Implementing Regulation (EU) 2021/405"***

➔ **Theo trên: Cồi điệp đông lạnh không yêu cầu nằm trong Annex VIII**

"Mục II.1 (h): *in the case Nưof Pectinidae, marine gastropods and echinoderms that are not filter feeders harvested outside classified production areas, these comply with the specific requirements laid down in Section VII, Chapter IX, of Annex III to Regulation (EC) No 853/2004;*

Mục II.1 (i)*: come from a production area classified in accordance with Article 52 of Commission Implementing Regulation (EU) 2019/627 as ☐ Not selected - omitted☐ Not selected - omitted or ☐ Not selected - omitted at the moment of their harvesting (please indicate the classification of the production area at the moment of harvesting) (except for Pectinidae, marine gastropods and echinoderms that are not filter feeders, which are harvested outside classified production areas);'*

➔ **Theo trên: Quy định đưa ra 2 lựa chọn: hoặc được phân loại A, B, C hoặc ngoài vùng phân loại**

"Mục II.1 (k): *fulfil the guarantees covering aquaculture provided by the control plan submitted in accordance with Article 6(2) of Commission Delegated Regulation (EU) 2022/2292 and the third country or region thereof of the origin of the animals and products described in Part I is listed in Annex -I to Implementing Regulation (EU) 2021/405 and marked with an "M" for the category "aquaculture"."*

➔ **Theo trên: Cồi điệp đông lạnh không yêu cầu nằm trong Annex VIII, do đó không có yêu cầu kế hoạch giám sát được duyệt tại (EU) 2021/405**

----------o0o----------